

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY AN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HSST

Ngày: 26/10/2023

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Sáu và ông Nguyễn Mạnh Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thị Giang – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2023 tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân (TAND) huyện T, tỉnh Phú Yên và điểm cầu thành phần trụ sở Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Phú Yên, TAND huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số: 22/2023/HSST ngày 11 tháng 9 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo:

Phan Thanh T (tên gọi khác: Tuấn M) – sinh năm 1992, tại tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: Thôn X, xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: không. Trình độ văn hóa (học vấn): 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Cha: Không xác định; Mẹ: Phan Thị N, sinh năm 1954; Vợ (sống chung với nhau như vợ chồng, chưa đăng ký kết hôn): Lê Thị L- sinh năm 1996; Tiền án: Không; Tiền sự:

- Ngày 03/8/2021, bị Công an xã A, Tp . xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000đ về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, chưa chấp hành.

- Ngày 22/3/2022, bị Công an xã A, huyện T xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000đ về hành vi trộm cắp tài sản, chưa chấp hành.

Nhân thân:

- Ngày 23/01/2019, bị Công an T4 ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000đ về hành vi xâm hại sức khỏe người khác.

- Ngày 29/6/2023, bị TAND thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên tuyên phạt 01 năm 03 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 67/2023/HS-ST. Hiện bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam X.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại*: Vợ chồng bà Trần Thị T1, sinh năm 1975; ông Huỳnh Hữu T2, sinh năm 1972; Trú tại: Thôn G, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt (Có đơn xét xử vắng mặt)

* *Người làm chứng*:

- Anh Bùi Văn K, sinh năm 1982; Trú tại: Thôn X, xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Anh Phạm Hồng T3, sinh năm 2005; Trú tại: Thôn C, xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 12/4/2023, bà Trần Thị T1 dựng xe mô tô BKS 78F9-6553 trên lề đường đoạn Km 5+610 tuyến đường ĐT 649 thuộc thôn T, xã A, huyện T rồi đi bộ xuống ruộng dưa của gia đình (cách vị trí dựng xe khoảng 100m) để tưới nước dưa, trên xe vẫn còn gắn chìa khóa. Đến khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày, Phan Thanh T được người có tên Q (không xác định được lai lịch) chở sau xe mô tô đi ngang qua, phát hiện xe mô tô BKS 78F9-6553 không có người trông coi, chìa khóa còn gắn trên xe nên T yêu cầu Q dừng xe lại có công việc và nói Q đi trước. T đi bộ đến vị trí bà T1 dựng xe và thực hiện hành vi lén lút lấy trộm xe mô tô BKS 78F9-6553. Sau khi chiếm đoạt, T điều khiển xe mô tô BKS 78F9-6553 đến tiệm sửa xe của ông Bùi Văn K tại thôn X, xã A, Tp . hỏi bán cho ông K nhưng ông K không đồng ý mua nên T dựng xe tại tiệm, yêu cầu ông K sửa chữa, tặng không sên xe và mượn ông K số tiền 200.000 đồng mang đi tiêu xài cá nhân.

Phát hiện xe mô tô BKS 78F9-6553 bị kẻ gian lấy mất, ông Huỳnh Hữu T2 (chồng bà T1) đi tìm. Đến sáng ngày 13/4/2023, ông T2 nhìn thấy xe mô tô BKS 78F9-6553 dựng trong tiệm sửa xe của ông K nên đã đến Công an xã A, huyện T trình báo vụ việc.

Tại Kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐĐGTS ngày 11/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: Tại thời điểm bị mất trộm, xe mô tô BKS 78F9-6553 có giá trị 2.200.000đ.

Vật chứng vụ án: 01 xe mô tô BKS 78F9-6553; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 78F9-6553 số A0082143 do Phòng CSGT Công an tỉnh P cấp ngày 10/7/2002; Cơ quan điều tra đã trả lại cho đại diện chủ sở hữu Huỳnh Hữu T2.

Về dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường;

Tại bản cáo trạng số 19/CT-VKSTA ngày 07/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An truy tố bị cáo Phan Thanh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa:

- Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố, bị cáo ăn năn, hối hận về hành vi của mình và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt, trình bày: Bị hại đã nhận lại xe mô tô biển kiểm soát BKS 78F9-6553; giấy đăng ký xe nên không yêu cầu bồi thường gì khác và đề nghị HĐXX xét xử bị cáo theo quy định pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát thực hiện quyền công tố phát biểu luận tội, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo: Phan Thanh T phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo Phan Thanh T từ 06 đến 09 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 56 BLHS tổng hợp hình phạt 01 năm 03 tháng tù về tội trộm cắp tài sản theo Bản án số 67/2023/HSST ngày 29/6/2023 của TAND thành phố Tuy Hòa, buộc phải chấp hành hình phạt chung. Thời hạn tù tính từ ngày 13/4/2023

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại vợ chồng bà Trần Thị T1, ông Huỳnh Hữu T2 đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì khác nên đề nghị không xem xét.

- Về vật chứng vụ án: Đã trả lại cho chủ sở hữu nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Trong phần đối đáp, không phát sinh tranh luận gì. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng thu giữ, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ ngày 12/4/2023, tại Km 5+610 tuyến đường ĐT 649 thuộc thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên, Phan Thanh T đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 xe mô tô BKS 78F9-6553 của vợ chồng bà Trần Thị T1, ông Huỳnh Hữu T2 trị giá 2.200.000đ. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS. Do đó, Cáo trạng của VKSND huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên truy tố bị cáo Phan Thanh T về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác là đối tượng được pháp luật bảo vệ, đồng thời còn ảnh hưởng xấu đến trật tự an của địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì muốn có tiền tiêu xài cho nhu cầu cá nhân, mà bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo có nhân thân xấu, từng có tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo còn là người vào ngày 22/02/2023 bị Công an thành phố T4 khởi tố về hành vi trộm cắp tài sản và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú nhưng không chịu sửa chữa lỗi lầm mà lại tiếp tục thực hiện tội phạm là thể hiện thái độ xem thường pháp luật nên cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo. Xét thấy việc Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị hình phạt tù đối với bị cáo là có căn cứ nên chấp nhận.

- Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

[3] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại vợ chồng bà Trần Thị T1, ông Huỳnh Hữu T2 đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì nên không xét.

[4] Về vật chứng vụ án: Đã trả lại cho người bị hại nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS;

1. Tuyên bố: Bị cáo Phan Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt: Bị cáo Phan Thanh T 09 (chín) tháng tù;

Áp dụng Điều 56 BLHS tổng hợp hình phạt 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 67/2023/HSST ngày 29/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Buộc bị cáo Phan Thanh T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/4/2023.

2. Về Trách nhiệm dân sự: Không xem xét

3. Về xử lý vật chứng vụ án: Không xem xét

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Phan Thanh T phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Phú Yên (1)
- VKSND huyện Tuy An (1)
- VKSND tỉnh Phú Yên (1)
- Cơ quan CSĐT CA huyện Tuy An (1)
- Sở Tư pháp (1)
- Chi cục THADS huyện Tuy An (1)
- Cơ quan THAHS Công an huyện Tuy An
- Bị cáo (1); Bị hại (1)
- Lưu hồ sơ (2); Ấn Văn (1)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký*)

Trần Thị Diễm Huyền